

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
cho năm tài chính 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

Số 2068 Đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, Tp. Việt Trì, Phú Thọ

Tel: 0210 3 953 543 Fax: 0210 3 953 542

MỤC LỤC

| NỘI DUNG | Trang |
|--------------------------------------|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 2 - 4 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN | 5 - 6 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 7 - 8 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 9 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 10 |
| BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 11 - 35 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 14 trình bày Báo cáo của Ban Tổng giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Licogi 14, tên giao dịch là LICOGI 14 JOINT STOCK COMPANY (LICOGI 14), gọi tắt là "Công ty", tiền thân là Công ty Cơ giới và Xây lắp số 14 được thành lập theo Quyết định số 055A/BXD-TCLĐ ngày 20/02/1993 và số 01/BXD-TCLĐ ngày 02/01/1996 của Bộ Xây dựng. Công ty Cơ giới và Xây lắp số 14 được chuyển thành Công ty Cổ phần Licogi 14 theo Quyết định số 1453/QĐ-BXD ngày 18/7/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1803000339 ngày 12/9/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp. Công ty có 04 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 24/9/2007;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 01/02/2008;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 18/4/2008;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 26/8/2009.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 26/8/2009 thì:

- Vốn điều lệ : **28.800.000.000 đồng** (Hai mươi tám tỷ, tám trăm triệu đồng chẵn).
- Mệnh giá : 10.000 đồng 1 cổ phần.

Danh sách cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông sáng lập | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Số cổ phần |
|-----|--|--|------------|
| 1 | Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng. | Nhà G1. Nam Thanh Xuân, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội | 792.000 |
| | <u>Người đại diện QL phần Vốn NN tại doanh nghiệp:</u> | | |
| | - Đặng Đắc Bằng | Trương Định, Hoàng Mai, Hà Nội | 475.200 |
| | - Phạm Gia Lý | Phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ | 316.800 |
| 2 | Phạm Gia Lý | Phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ | 108.410 |
| 3 | Nguyễn Văn Tuấn | Phường Vân Cự, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ | 17.030 |
| 4 | Nguyễn Ngọc Anh | Phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ | 15.240 |
| 5 | Trần Thế Bình | Phường Vân Cự, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ | 11.550 |

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Chuẩn bị mặt bằng công trình (san ủi, đào đắp, bốc xúc đất đá,...);
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; đường dây và lắp đặt trạm biến áp đến 35KV và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác; lắp đặt thiết bị và hoàn thiện các công trình xây dựng (kể cả trang trí nội, ngoại thất);
- Đầu tư và kinh doanh phát triển nhà, khu đô thị mới, khu, cụm công nghiệp; các dự án thủy điện vừa và nhỏ (thủy điện, nhiệt điện);
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng (ống cống bê tông cốt thép, gạch Block và các loại vật liệu xây dựng khác); sản xuất gạch tuynenl;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC*(tiếp theo)*

- Khai thác, chế biến đá các loại;
- Sản xuất, gia công chế tạo và lắp đặt các sản phẩm cơ khí xây dựng (ván khuôn, giàn giáo, khung nhà công nghiệp và các kết cấu định hình khác);
- Kinh doanh vật tư, máy móc phục vụ sản xuất và tiêu dùng; xăng, dầu, mỡ các loại;
- Dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị; cho thuê thiết bị, máy công trình;
- Vận tải hàng hoá đường bộ;
- Dịch vụ khảo sát địa chất, địa hình; thí nghiệm vật liệu xây dựng, nền móng công trình;
- Dịch vụ tư vấn chuyển giao công nghệ;
- Khai thác quặng sắt, quặng kim loại đen khác;
- Khai thác mỏ apatit; khai thác khoáng chất và khoáng phân bón khác;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ và lâm sản khác; hoạt động dịch vụ lâm nghiệp;
- Thi công xây dựng, nâng cấp, cải tạo các công trình môi trường, công trình công cộng (sân vườn, vườn hoa cây xanh, công viên)/.

Công ty Cổ phần Licogi 14 có tư cách pháp nhân đầy đủ, thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập, có tài khoản tại Ngân hàng, có con dấu để giao dịch; được tổ chức và hoạt động theo luật Doanh nghiệp và theo Điều lệ của Công ty cổ phần được Đại hội cổ đông thông qua và đăng ký kinh doanh theo luật định.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2009 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Hội đồng quản trị

- Ông Đặng Đắc Bằng
- Ông Phạm Gia Lý
- Ông Nguyễn Văn Tuấn
- Ông Nguyễn Vũ Quảng
- Ông Trần Thế Bình

Chức vụ

- Chủ tịch
- Phó chủ tịch
- Ủy viên
- Ủy viên
- Ủy viên

Ban Tổng giám đốc

- Ông Phạm Gia Lý
- Ông Nguyễn Văn Tuấn
- Ông Nguyễn Vũ Quảng
- Bà Lê Thị Thanh

Chức vụ

- Tổng Giám đốc
- Phó Tổng giám đốc
- Phó Tổng giám đốc
- Kế toán trưởng

Địa chỉ : Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Tel : 0210 3953 543

Fax : 0210 3953 542

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC*(tiếp theo)***Các đơn vị phụ thuộc Công ty gồm:**

| Tên chi nhánh | Địa chỉ | Giám đốc |
|--|---|-----------------|
| Chi nhánh Hà Nội Công ty Cổ phần Licogi 14 | Số 249 Hoàng Văn Thái, Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. | Phạm Gia Lý |
| Chi nhánh Đầu tư và Xây dựng Công ty Cổ phần Licogi 14.2 | Tầng 3, số 2068, đường Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. | Hoàng Hàng Hải |
| Chi nhánh Lào Cai Công ty Cổ phần Licogi 14 | Số 014, đường Nguyễn Công Hoan, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. | Bùi Tiến Sỹ |
| Chi nhánh Xây dựng Giao thông Licogi 14.8 | Tổ 1, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. | Nguyễn Tiến Hải |

Năm 2009 Chi nhánh Licogi 14.6 được sát nhập vào Chi nhánh Công ty Cổ phần Licogi 14 tại Lào Cai theo quyết định số 628QĐ/HĐQT ngày 25 tháng 11 năm 2009 của Hội đồng quản trị.

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2009 được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2009 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2009 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

Phạm Gia Lý
Tổng Giám đốc

Phú Thọ, ngày 25 tháng 02 năm 2010

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty Cổ phần Licogi 14

**Kính gửi : Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
 Công ty Cổ phần Licogi 14**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2009 được lập ngày 25 tháng 2 năm 2010 của Công ty Cổ phần Licogi 14 (gọi tắt là "Công ty") từ trang 07 đến trang 35 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo quy định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 04, Ban Tổng giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 14.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế trong xử lý kế toán

- Trong năm tài chính 2009 Công ty chưa thực hiện việc loại trừ doanh thu, giá vốn nội bộ và các giao dịch nội bộ khác giữa Văn phòng Công ty và Chi nhánh Licogi 14.2 liên quan đến Dự án khu đô thị Minh Phương.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của hạn chế nêu trên (nếu có), xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Licogi 14 cho năm tài chính 2009:

- (a) Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- (b) Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các qui định pháp lý có liên quan

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản tiếng Việt. Công ty Cổ phần Licogi 14 giữ năm (05) bản, Công ty Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ một (01) bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

Phạm Hùng Sơn

Phó Tổng giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0813/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Nguyễn Thị Hồng Vân

Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0946/KTV

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | 31/12/2009 | 01/01/2009 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150) | 100 | | 189,476,975,207 | 146,552,834,279 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.01 | 15,801,612,732 | 6,642,473,317 |
| 1. Tiền | 111 | | 5,801,612,732 | 6,642,473,317 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 10,000,000,000 | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 17,696,632,481 | 21,708,926,426 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | VIII.1 | 14,609,190,473 | 20,322,041,484 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | VIII.2 | 3,085,852,478 | 1,330,359,885 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | V.02 | 1,589,530 | 56,525,057 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 149,274,015,709 | 109,995,283,305 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.03 | 149,274,015,709 | 109,995,283,305 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 6,704,714,285 | 8,206,151,231 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | VIII.3 | - | 193,575,016 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | V.11 | 3,041,805,352 | 5,403,918,202 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nh à nước | 154 | | - | - |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | VIII.4 | 3,662,908,933 | 2,608,658,013 |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260) | 200 | | 34,727,680,647 | 34,684,595,747 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 29,191,680,647 | 29,148,595,747 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.05 | 28,450,283,735 | 26,696,551,550 |
| - Nguyên giá | 222 | | 77,243,602,633 | 65,915,716,617 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (48,793,318,898) | (39,219,165,067) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | V.06 | - | 2,083,000,000 |
| - Nguyên giá | 225 | | - | 6,714,845,702 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | (4,631,845,702) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.07 | 219,745,000 | 240,488,000 |
| - Nguyên giá | 228 | | 282,925,590 | 282,925,590 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (63,180,590) | (42,437,590) |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | V.04 | 521,651,912 | 128,556,197 |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 5,036,000,000 | 5,036,000,000 |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | V.08 | 5,036,000,000 | 5,036,000,000 |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 500,000,000 | 500,000,000 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.09 | 500,000,000 | 500,000,000 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 224,204,655,854 | 181,237,430,026 |

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | 31/12/2009 | 01/01/2009 |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330) | 300 | | 191,199,342,453 | 148,868,256,174 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 180,111,906,333 | 138,552,865,136 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | V.10 | 30,585,524,938 | 40,256,801,513 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | VIII.5 | 30,126,545,342 | 19,058,384,756 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | VIII.6 | 110,946,534,185 | 71,047,015,494 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.11 | 1,162,159,307 | 237,356,627 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 98,896,726 | - |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | V.12 | - | 1,961,880,909 |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 | | - | - |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 | | - | - |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | V.13 | 7,192,245,835 | 5,991,425,837 |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 11,087,436,120 | 10,315,391,038 |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | V.14 | 10,986,592,357 | 10,133,082,986 |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | 100,843,763 | 182,308,052 |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | | |
| B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430) | 400 | | 33,005,313,401 | 32,369,173,852 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.15 | 32,784,135,788 | 32,114,396,238 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 28,800,000,000 | 28,800,000,000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 840,689,000 | 840,689,000 |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 601,556,179 | 601,556,179 |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 594,454,000 | 594,454,000 |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | 1,947,436,609 | 1,277,697,060 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | 221,177,614 | 254,777,614 |
| 1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 431 | | 221,177,614 | 254,777,614 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 =300+400) | 440 | | 224,204,655,854 | 181,237,430,026 |

Phú Thọ, ngày 25 tháng 02 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh

Phạm Gia Lý

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2009

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | Năm 2009 | Năm 2008 |
|--|-----------|---------------|------------------------|------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VII.17 | 100,341,242,365 | 83,340,893,347 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02) | 10 | | 100,341,242,365 | 83,340,893,347 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VII.18 | 91,717,021,374 | 73,295,275,611 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | 8,624,220,991 | 10,045,617,736 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VII.19 | 105,249,189 | 40,239,509 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VII.20 | 3,882,203,660 | 6,780,423,912 |
| <i>Trong đó: Lãi vay phải trả</i> | 23 | | <i>3,882,203,660</i> | <i>6,780,423,912</i> |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | VIII.7 | 381,480,806 | 347,175,364 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | VIII.8 | 2,518,171,809 | 1,372,644,560 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25)) | 30 | | 1,947,613,905 | 1,585,613,409 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VIII.9 | 1,676,666,666 | 65,267,238 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VIII.10 | 1,627,853,668 | 164,958,880 |
| 13. Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | | 48,812,998 | (99,691,642) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40) | 50 | | 1,996,426,903 | 1,485,921,767 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VII.21 | 174,687,354 | 192,426,869 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 1,821,739,549 | 1,293,494,898 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | V.15.5 | 633 | 449 |
| 19. Lợi nhuận năm trước chuyển sang | | | 1,277,697,060 | 2,700,871,567 |
| 20. Các khoản giảm trừ vào lợi nhuận sau thuế | | | (1,152,000,000) | (2,716,669,406) |
| Trích lập quỹ đầu tư phát triển | | | - | (15,602,179) |
| Trích lập quỹ dự phòng tài chính | | | - | - |
| Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi | | | - | (180,391) |
| Chia cổ tức | | | (1,152,000,000) | (2,700,886,836) |
| 21. Lợi nhuận lũy kế | | | 1,947,436,609 | 1,277,697,060 |

Phú Thọ, ngày 25 tháng 02 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thị Thanh

Phạm Gia Lý

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

<Theo phương pháp trực tiếp>

Năm 2009

| CHỈ TIÊU | MÃ | TM | Năm 2009 | Năm 2008 |
|---|-----------|-------------|-------------------------|------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và DT khác | 01 | | 141,636,969,549 | 87,574,507,598 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ | 02 | | (106,568,894,036) | (62,810,739,939) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | | (1,132,318,344) | (6,713,323,137) |
| 4. Tiền chi trả lãi vay | 04 | | (4,085,263,702) | (7,218,735,216) |
| 5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp | 05 | | (344,090,759) | - |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | | 518,708,450 | 820,787,935 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | | (3,062,298,474) | (2,099,078,497) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 26,962,812,684 | 9,553,418,744 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ & các TS DH khác | 21 | | (7,326,286,427) | (2,312,318,436) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác | 22 | | 1,566,666,666 | 38,095,238 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác | 26 | | - | 16,000,000 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 105,249,189 | 40,239,509 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (5,654,370,572) | (2,217,983,689) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH | 31 | | - | - |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | | 52,691,968,150 | 37,881,975,751 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (61,825,969,666) | (39,428,913,093) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | | (2,115,477,202) | (1,085,748,405) |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (899,823,979) | (1,958,147,155) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (12,149,302,697) | (4,590,832,902) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40) | 50 | | 9,159,139,415 | 2,744,602,153 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | V.01 | 6,642,473,317 | 3,897,871,164 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61) | 70 | V.01 | 15,801,612,732 | 6,642,473,317 |

Phú Thọ, ngày 25 tháng 02 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thị Thanh

Phạm Gia Lý

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2009

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Licogi 14, tên giao dịch là LICOGI 14 JOINT STOCK COMPANY (LICOGI 14), gọi tắt là "Công ty", tiền thân là Công ty Cơ giới và Xây lắp số 14 được thành lập theo Quyết định số 055A/BXD-TCLĐ ngày 20/02/1993 và số 01/BXD-TCLĐ ngày 02/01/1996 của Bộ Xây dựng. Công ty Cơ giới và Xây lắp số 14 được chuyển thành Công ty Cổ phần Licogi 14 theo Quyết định số 1453/QĐ-BXD ngày 18/7/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1803000339 ngày 12/9/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp. Công ty có 04 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 24/9/2007;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 01/02/2008;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 18/4/2008.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 26/8/2009.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 26/8/2009 thì:

- Vốn điều lệ : **28.800.000.0000 đồng** (Hai mươi tám tỷ, tám trăm triệu đồng chẵn).
- Mệnh giá : 10.000 đồng/1 cổ phần.

Danh sách cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông sáng lập | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Số cổ phần |
|-----|--|--|------------|
| 1 | Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng. | Nhà G1. Nam Thanh Xuân, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội | 792.000 |
| | <u>Người đại diện QL phần Vốn NN tại doanh nghiệp:</u> | | |
| | - Đặng Đắc Bằng | Trương Định, Hoàng Mai, Hà Nội | 475.200 |
| | - Phạm Gia Lý | Phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ | 316.800 |
| 2 | Phạm Gia Lý | Phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ | 108.410 |
| 3 | Nguyễn Văn Tuấn | Phường Vân Cơ, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ | 17.030 |
| 4 | Nguyễn Ngọc Anh | Phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ | 15.240 |
| 5 | Trần Thế Bình | Phường Vân Cơ, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ | 11.550 |

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, kinh doanh bất động sản và sản xuất công nghiệp

3. Ngành nghề kinh doanh

- Chuẩn bị mặt bằng công trình (san ủi, đào đắp, bóc xúc đất đá,...);
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; đường dây và lắp đặt trạm biến áp đến 35KV và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác; lắp đặt thiết bị và hoàn thiện các công trình xây dựng (kể cả trang trí nội, ngoại thất);
- Đầu tư và kinh doanh phát triển nhà, khu đô thị mới, khu, cụm công nghiệp; các dự án thủy điện vừa và nhỏ (thủy điện, nhiệt điện);
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng (ống cống bê tông cốt thép, gạch Block và các loại vật liệu xây dựng khác); sản xuất gạch tuynenl;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2009***(tiếp theo)*

- Khai thác, chế biến đá các loại;
- Sản xuất, gia công chế tạo và lắp đặt các sản phẩm cơ khí xây dựng (ván khuôn, giàn giáo, khung nhà công nghiệp và các kết cấu định hình khác);
- Kinh doanh vật tư, máy móc phục vụ sản xuất và tiêu dùng; xăng, dầu, mỡ các loại;
- Dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị; cho thuê thiết bị, máy công trình;
- Vận tải hàng hoá đường bộ;
- Dịch vụ khảo sát địa chất, địa hình; thí nghiệm vật liệu xây dựng, nền móng công trình;
- Dịch vụ tư vấn chuyên giao công nghệ
- Khai thác quặng sắt, quặng kim loại đen khác ;
- Khai thác mỏ apatit ; khai thác khoáng chất và khoáng phân bón khác
- Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ và lâm sản khác; hoạt động dịch vụ lâm nghiệp;
- Thi công xây dựng, nâng cấp, cải tạo các công trình môi trường, công trình công cộng (sân vườn, vườn hoa cây xanh, công viên)/.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán CIC. Đến thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính Công ty đã in đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội Chi nhánh Việt Trì có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền từ ngày mở tài khoản này đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2009***(tiếp theo)***2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Tại thời điểm 31/12/2009 Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**3.1. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Quyết định 206/2003/QĐ - BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

| Loại tài sản cố định | Thời gian khấu hao <năm> |
|--|---------------------------------------|
| - Nhà cửa vật kiến trúc | 10 - 25 |
| - Máy móc, thiết bị | 5 - 10 |
| - Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn | 6 - 10 |
| - Thiết bị văn phòng | 3 - 6 |
| - Tài sản khác | 5 |

Riêng Trạm trộn bê tông Minh Phương và hai xe vận chuyển bê tông Công ty đang thực hiện khấu hao theo số lượng sản phẩm.

3.2. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán và giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn tại các phường Nông Trang, phường Vân Cơ, phường Bến Gót thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ và tại xã Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Quyết định 206/2003/QĐ - BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

| Loại tài sản cố định | Thời gian khấu hao <năm> |
|-----------------------------|---------------------------------------|
| Giá trị quyền sử dụng đất | 15 - 20 |
| Phần mềm kế toán | 3 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2009***(tiếp theo)***4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính.**

Khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty là khoản mua Công trái Chính phủ thời hạn 5 năm và khoản đầu tư vào Dự án Thủy điện Bắc Hà (Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ Tầng) được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày mua.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay cho các hoạt động kinh doanh trong kỳ được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính.

Chi phí đi vay đầu tư dự án Khu đô thị Minh Phương được vốn hoá vào giá thành của dự án.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau bao gồm các loại chi phí: Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ và chi phí chờ kết chuyển.

7. Nguyên tắc ghi nhận quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của công ty được trích lập bằng 3% quỹ lương nộp bảo hiểm xã hội theo Quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/8/2003 về việc trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm tại doanh nghiệp.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu trong kỳ của Công ty bao gồm: doanh thu xây lắp, doanh thu bán xăng dầu và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu của các hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hóa đơn GTGT, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 - Hợp đồng xây dựng. Riêng doanh thu xây dựng Dự án khu đô thị Minh Phương (Công ty vừa là chủ đầu tư vừa là nhà thầu thi công) được ghi nhận theo giá trị khối lượng thực hiện, được xác nhận bằng giá trị nghiệm thu, đã phát hành hóa đơn GTGT giữa Chi nhánh Đầu tư và Xây dựng Công ty Cổ phần Licogi 14.2 và Công trường xây dựng khu đô thị Minh Phương - Công ty Cổ phần Licogi 14. Trong năm 2009, doanh thu phát sinh từ giao dịch nội bộ giữa Văn phòng công ty và Chi nhánh Đầu tư xây dựng Công ty Cổ phần Licogi 14.2 liên quan đến Dự án Minh Phương là 27.835.046.452 VND.

Doanh thu từ bán xăng, dầu, vật liệu xây dựng được ghi nhận căn cứ lượng hàng thực tế đã xuất bán cho khách hàng được khách hàng chấp nhận thanh toán, xuất hoá đơn phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2009***(tiếp theo)***10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay và lãi thuê mua tài chính.

11. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**11.1. Ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng, hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Tại thời điểm 31/12/2009, Công ty chưa tiến hành đối chiếu đầy đủ số dư công nợ phải thu, phải trả tới từng đối tượng và không trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

11.2. Các nghĩa vụ về thuế***Thuế giá trị gia tăng (GTGT)***

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 5% đối với doanh thu bán vật liệu xây dựng và hợp đồng xây lắp ký trước ngày 31/12/2003, 10% đối với doanh thu bán xăng dầu, doanh thu cho thuê máy thi công và các hợp đồng xây lắp ký sau ngày 31/12/2003; không chịu thuế đối với lệ phí xăng dầu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo theo quy định ưu đãi tại điều 36, Nghị định 187/2004/NĐ - CP của Chính phủ ngày 16/11/2004 về việc chuyển đổi Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần.

Năm 2009 là năm thứ hai Công ty được giảm 50% thuế TNDN và được hưởng ưu đãi thuế TNDN đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ theo Thông tư 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

11.3. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn mặt hàng xăng dầu và vật liệu xây dựng được ghi nhận theo số lượng hàng xuất bán trong kỳ phù hợp với doanh thu.

Giá vốn hoạt động xây lắp được ghi nhận theo hợp đồng giao khoán, được xác định phù hợp với doanh thu.

Cụ thể: Giá vốn trong kỳ = Chi phí dở dang đầu kỳ + Chi phí phát sinh trong kỳ - Chi phí dở dang cuối kỳ

Chi phí dở dang cuối kỳ là chi phí phát sinh cho khối lượng dở dang cuối kỳ.

Trong năm 2009, giá vốn phát sinh từ giao dịch nội bộ giữa Văn phòng công ty và Chi nhánh Đầu tư xây dựng Công ty Cổ phần Licogi 14.2 liên quan đến Dự án Minh Phương là 26.443.294.129 VND.